

Số: **36/2023/QĐST-HNGĐ**

S, ngày 23 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Văn Đức**

Bà **Nguyễn Thị Kim Ngọc**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thái Phương Dung** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Lưu Thu Hà** - Kiểm sát viên

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc vụ án và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân H**; sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú tại: tổ 02 phường H, quận L, Đà Nẵng. Tạm trú tại: DT605 đường D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Ông **Đào Anh T**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: 128 đường T, tổ 62 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Đào Anh T (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T nên giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 01 do UBND phường M, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 10/6/2020 không còn giá trị pháp lý*)

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đào Ngọc Lan K, sinh ngày: 19/10/2020 cho bà Nguyễn Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đào Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà H, ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà H, ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

5. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003761 ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M, quận S, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh